TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2025/DS-ST
Ngày: 25-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có****:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phùng Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 167/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thanh L, sinh năm 1989; Thường trú: Số F tổ A, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (Là người đại diện theo uỷ quyền - Văn bản uỷ quyền ngày 19/5/2025). Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Đỗ Thị Tuyết T, sinh năm 1991; Thường trú: Số B khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 5 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 23/5/2023, bà Đỗ Thị Tuyết T được Ngân hàng Thương mại cổ phần S cấp hạn mức thẻ tín dụng Visa Platinum Cashback; Số thẻ: 436438-4519; Số tài khoản thẻ: 3795660343 với số tiền là 70.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng, khoản vay không có tài sản đảm bảo theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/5/2023 được ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B và bà Đỗ Thị Tuyết T;

Đến ngày 16/10/2024, do bà Đỗ Thị Tuyết T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, theo nội dung đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, toàn bộ khoản vay đều đã chuyển nợ quá hạn.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nhiều lần trao đổi, làm việc và tạo mọi điều kiện để bà Đỗ Thị Tuyết T tìm nguồn tiền thanh toán vốn vay, các khoản lãi phát sinh tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Nhưng đến thời điểm hiện nay, bà Đỗ Thị Tuyết T vẫn không thực hiện thanh toán theo đúng các cam kết với Ngân hàng.

Tính đến ngày 25/9/2025, bà Đỗ Thị Tuyết T còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S số vốn gốc, lãi quá hạn tổng cộng là 98.253.737 đồng, cụ thể như sau:

- Vốn gốc: 70.000.000 đồng;

- Lãi quá hạn: 28.253.737 đồng;

Việc cố tình dây dưa, không thực hiện đúng như cam kết của bà Đỗ Thị Tuyết T đã làm ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng và hợp pháp của Ngân hàng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc bà Đỗ Thị Tuyết T phải có trách nhiệm thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S toàn bộ số nợ còn tồn đọng tính đến ngày 25/9/2025 là 98.253.737 đồng (Chín mươi tám triệu hai trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng), cụ thể như sau:

+ Vốn gốc: 70.000.000 đồng;

+ Lãi quá hạn: 28.253.737 đồng;

- Đồng thời, yêu cầu bà Đỗ Thị Tuyết T còn phải thanh toán cho ngân hàng tiền lãi quá hạn, lãi của lãi chậm trả được tính theo Hợp đồng tín dụng (đã nêu) từ ngày 26/9/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

** Đối với bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết T:* Quá trình tố tụng, bà Đỗ Thị Tuyết T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Quá trình xác minh, bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết T, sinh năm 1991 có đăng ký thường trú tại: Số B khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh);

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết T thanh toán nợ gốc, nợ lãi đối với khoản vay thông qua sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết T có hộ khẩu thường trú tại: Số B khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 04/9/2025 và 25/9/2025 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn; đồng thời đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ; không cung cấp văn bản nêu ý kiến

đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết T phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 23/5/2023, bà Đỗ Thị Tuyết T ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B. Theo đó, bà Đỗ Thị Tuyết T được Ngân hàng Thương mại cổ phần S cấp hạn mức thẻ tín dụng Visa Platinum Cashback; Số thẻ: 436438-4519; Số tài khoản thẻ: 3795660343 với số tiền là 70.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Đến ngày 16/10/2024 do bà Đỗ Thị Tuyết T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, theo nội dung đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, toàn bộ khoản vay đều đã chuyển nợ quá hạn.

Tính đến ngày 25/9/2025, bà Đỗ Thị Tuyết T còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tổng cộng là 98.253.737 đồng, gồm: Vốn gốc: 70.000.000 đồng; Lãi quá hạn: 28.253.737 đồng;

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/5/2023, giữa bà Đỗ Thị Tuyết T và Ngân hàng Thương mại cổ phần S là tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng bà Đỗ Thị Tuyết T đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/5/2023. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Tuyết T thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 25/9/2025 tổng cộng là 98.253.737 đồng, gồm: Vốn gốc: 70.000.000 đồng; Lãi quá hạn: 28.253.737 đồng;

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được chứng cứ về việc không vay nợ hoặc tài liệu chứng cứ về việc đã thanh toán một phần hoặc toàn bộ tiền nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả liền lãi: Việc thỏa thuận lãi suất và phí thẻ tín dụng trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/5/2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Đỗ Thị Tuyết T là phù hợp với quy định của pháp luật. Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong thì bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S các khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 26/9/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/5/2023 giữa bà Đỗ Thị Tuyết T với Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bà Đỗ Thị Tuyết T về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Buộc bà Đỗ Thị Tuyết T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S khoản nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/5/2023 (loại thẻ Visa Platinum Cashback; Số thẻ: 436438-4519; Số tài khoản thẻ: 3795660343), số tiền tính đến ngày 25/9/2025 là 98.253.737 đồng (Chín mươi tám triệu hai trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng), cụ thể như sau:

+ Vốn gốc: 70.000.000 đồng;

+ Lãi quá hạn: 28.253.737 đồng;

- Đồng thời, buộc bà Đỗ Thị Tuyết T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S các khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 26/9/2025 theo theo

mức lãi suất, phí thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/5/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đỗ Thị Tuyết T phải chịu số tiền 4.912.687 đồng (Bốn triệu chín trăm mười hai nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 2.125.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003016 ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hải Nam